

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 182/2017/DS-ST

Ngày: 02/8/2017.

V/v tranh chấp: “Thừa kế về tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú.

2. Ông Ngô Văn Thi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2014/TLST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2014 về: “*Tranh chấp Thừa kế về tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2017/QĐXX- DS ngày 25 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Đồng nguyên đơn:**

1.1 Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1959.

2.2 Chị Hồ Thị Thanh N, sinh năm: 1978.

2.3 Chị Hồ Thị Thanh H, sinh năm: 1985.

2.4 Anh Hồ Thanh G, sinh năm: 1980.

Cùng cư trú: số 01, đường TĐL, khóm C, Phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Đại diện ủy quyền chị Hồ Thị Thanh H là bà Đỗ Thị T (đồng nguyên đơn), theo Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2011 Văn phòng Công chứng CĐ.

Đại diện ủy quyền các anh chị Hồ Thanh G, Hồ Thị Thanh N là bà Đỗ Thị T (đồng nguyên đơn), theo Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2016 của UBND Phường CP, thành phố CĐ.

2. **Bị đơn:** Bà Hồ Thị L, sinh năm: 1965.

Cư trú: ấp HB, xã ĐP, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị L là ông Huỳnh Thanh B, theo Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2011 của UBND xã ĐP.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3. 1 Bà Hồ Thị G, sinh năm: 1966.

3. 2 Anh Hồ Thanh T, sinh năm: 1982.

3. 3 Anh Hồ Thanh G, sinh năm: 1984.

3. 4 Anh Hồ Thanh Đ, sinh năm: 1991.

3. 5 Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Diệu H, là các anh, chị:

Hồ Thanh T, sinh năm: 1982.

Hồ Thanh G, sinh năm: 1984.

Hồ Thanh Đ, sinh năm: 1991.

Cùng cư trú: Ấp PT, xã ĐP, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện ủy quyền cho bà Hồ Thị G và bà Trần Thị Diệu H, cùng các anh chị: Hồ Thanh T, Hồ Thanh Đ là anh Hồ Thanh G, theo các Văn bản ủy quyền cùng ngày 16/4/2012 của UBND xã ĐP.

(Bà Đỗ Thị T có mặt; những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 11/9/2011 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, bà Đỗ Thị T là nguyên đơn và là đại diện theo ủy quyền cho đồng nguyên đơn trình bày:

Cụ ông Hồ Văn B (chết 2003) – cụ bà Phạm Thị Q (chết 2005), hai cụ có 05 người con là: Hồ Thanh Đ, Hồ Thị L, Hồ Văn V, Hồ Văn S, Hồ Thị G. Trong đó Hồ Thanh Đ (chồng bà chết 2006), có vợ là bà cùng các con: Hồ Thị Thanh N, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thanh G. Hồ Văn V chết khi chưa có vợ. Hồ Văn S chết có vợ là Trần Thị Diệu H, cùng các con: Hồ Thanh T, Hồ Thanh G, Hồ Thanh Đ.

Trước khi cụ B – cụ Q chết thì có để lại di chúc lập ngày 02/7/2002, theo đó chồng bà (ông Đ) được hưởng 01 căn nhà kiên cố gắn liền với nền đất diện tích 126,6m² và phần đất ao diện tích 1.027,8m². Hiện nhà chưa được cấp chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở đất ở, còn 1.027,8m² đất thì nằm trong 2.221,8m² thuộc giấy chứng nhận QSD đất số 02374 ngày 17/01/2003 do ông Hồ Văn B đứng tên, bản chính giấy chứng nhận QSD đất này do bà L giữ. Hiện các đồng thừa kế thỏa thuận một phần nội dung là căn nhà gắn liền với 126.6m² đất giao cho bà cùng các con quản lý sử dụng làm nơi thờ cúng, không được bán. Riêng phần đất ao bà yêu cầu công nhận bằng bản án có hiệu lực để bà kê khai đăng ký QSD đất.

Các anh chị: Hồ Thị Thanh N, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thanh G (sinh năm 1980) cùng có ý kiến và yêu cầu như nội dung trình bày của bà T.

Bị đơn bà Hồ Thị L thống nhất với lời khai của Đỗ Thị T về quan hệ hôn nhân, huyết thống, hàng thừa kế, di sản thừa kế. Tuy nhiên, bà cho rằng khi cha mẹ chết có để lại di chúc hay không thì bà không biết, đến khi bà T khởi kiện bà mới hay, bà thừa nhận bản chính giấy chứng nhận QSD đất số 02374 ngày 17/01/2003 mang tên Hồ Văn B hiện do bà giữ. Bà cũng đồng ý để căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 126,6m² cho bà T cùng các con bà T – ông Đ sử dụng, nhưng không được bán hay sang nhượng. Riêng đất ao diện tích 2.221,8m² (trong đó có 1.027,8m²) bà yêu cầu chia đều cho đồng thừa kế.

Anh Hồ Thanh G (sinh năm: 1984) và là đại diện cho bà Hồ Thị G và các anh chị: Hồ Thanh T, Hồ Thanh Đ có ý kiến và yêu cầu như bà L.

Chứng cứ thu thập được:

Ông Huỳnh Văn QV cho biết: Thời điểm năm 2002, ông là cán bộ tư pháp xã ĐP, ông Đ đến nhờ ông viết di chúc với nội dung để tài sản cho các con, trong đó có ông Đ, do sức khỏe yếu ông B – bà Q không đến Ủy ban nhân dân xã được. Sau khi viết xong ông về đưa cho ông B – bà Q đọc lại và ký vào, di chúc lập thành 03 bản, Ủy ban xã giữ 01 bản, 02 bản còn lại giao cho ông Đ giữ.

Ông Trần Tấn L và ông Đoàn Văn H cùng cho biết: Chữ ký trong tờ di chúc lập ngày 02/7/2002 đúng là của hai ông, nhưng do ông Đ đưa nhờ ký dùm. Hai ông còn cho biết: Trước ngày lập di chúc ông B có nói để lại tài sản do Đ quản lý. Khi di chúc viết xong, ông Đ có đưa cho vợ ông (H) 01 bản và nói khi ông Q chết thì hãy công bố di chúc, nhưng ông Đ nói: *“Chuyện của anh em ông để cho gia đình ông tự giải quyết”*, sau đó 01 tháng, ông đưa tờ di chúc cho bà Trần Thị Diệu H nhờ chuyển lại cho ông Đ, bà H có đưa cho ông Đ hay không thì ông không biết.

Ông Phạm Công L cho biết: Vào năm 2002, ông là Chủ tịch UBND xã ĐP, ông xác nhận chữ ký trong tờ di chúc lập ngày 02/7/2002 là của ông. Khi đó cấp dưới lập hồ sơ trình ông ký, nhưng do ai trình thì ông không nhớ, vì thời gian quá lâu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2012/DS-ST ngày 15/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện A. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đỗ Thị T cùng các anh chị: N, H, G. Công nhận QSD diện tích 1.027,8m² cho bà Đỗ Thị T cùng các anh chị: N, H, G. Công nhận thỏa thuận giao căn nhà gắn liền với 127,3m² đất cho bà T cùng các con sử dụng, không bán, sang nhượng.

Bản án dân sự phúc thẩm số: 93/2013/DS-PT ngày 11/4/2013 tuyên: Hủy toàn bộ bản án DSST số 142/2012/DS-ST ngày 15/8/2012. Do: Di chúc lập ngày 02/7/2002 là không hợp pháp. Phần đất 1.027,8m² bà L khai có san lấp với chi phí bằng 02 lượng vàng 24 kra, còn bà T cũng khai có chi phí san lấp hơn 20.000.000 đồng, nhưng sơ thẩm chưa xác minh là rõ. Căn nhà gắn liền với đất giao cho bà T cùng các con quản lý, nhưng căn nhà hiện nay do Trần Thanh G (con bà H) quản lý sử dụng mà không làm việc với G về nội dung này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng...là hoàn toàn phù hợp với

pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thủ tục xét xử, thời hạn xét xử được đảm bảo.

Về nội dung: Xét di chúc do cụ B – cụ Q lập ngày 02/7/2002 có hai người làm chứng, nhưng hai người làm chứng không chứng kiến; di chúc có chứng thực tại UBND xã, nhưng tại thời điểm chứng thực người lập di chúc không có mặt, nên di chúc không hợp pháp, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản thừa kế theo di chúc là không có cơ sở. Đối với phần tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng những người này đã được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt, nên đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết. Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Diệu H có yêu cầu độc lập, quá trình tố tụng bà H chết, Tòa án thông báo cho thừa kế của bà Hiền gồm các anh T, G, Đ vào tham gia tố tụng với tư cách kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà H theo Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án thông báo cho và triệu tập hợp lệ các ông bà Huỳnh Thanh B (Đại diện theo ủy quyền cho bà L), Hồ Thanh G (Đại diện theo ủy quyền cho bà G và các anh chị: T, Đ) và các anh T, Đ đến tham dự phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Đồng nguyên đơn cho rằng, khi cụ ông Hồ Văn B – cụ bà Phạm Thị Q chết để lại di chúc là một phần quyền sử dụng đất chia cho chồng, cha mình. Nhưng giấy chứng nhận QSD đất thì bà L giữ, nên yêu cầu chia thừa kế, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “ Thừa kế về tài sản” theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Người để lại di chúc là cụ Hồ Văn B (chết 2003), năm 2006 ông Đ chết, thừa kế của ông Đ thỏa thuận với bà L về chia tài sản theo di chúc nhưng không thành. Ngày 11/9/2011 thừa kế của ông Đ khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 648 Bộ luật Dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nội dung tranh chấp thừa kế về tài sản là bất động sản tọa lạc tại huyện A, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện A, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Các bên không thống nhất nhau về tính hợp pháp của di chúc. Theo đó, HĐXX xét thấy: Di chúc do cụ ông Hồ Văn B – cụ bà Phạm Thị Q lập ngày 02/7/2002 tại nhà, do ông Huỳnh Văn QV viết thay. Thể hiện trong tờ di chúc có hai người làm chứng là Trần Tấn L, Đoàn Văn H, nhưng theo lời khai của ông L, ông H thì không trực tiếp chứng kiến việc cụ B – cụ Q ký tên trong di chúc mà do ông Đ (con của hai cụ) mang đến nhờ ký tại nhà của hai ông, sau đó mang đến Ủy ban nhân dân xã ĐP

xác nhận. Việc xác nhận di chúc tại của Ủy ban nhân dân xã ĐP khi không có mặt của người lập di chúc là không phù hợp với quy định tại các Điều 658, 659 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 17 Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, nên xác định di chúc lập ngày 02/7/2002 của cụ B – cụ Q là không hợp pháp.

Do xác định di chúc ngày 02/7/2002 là không hợp pháp, nên yêu cầu của đồng nguyên đơn về chia thừa kế theo di chúc, trên cơ sở đó yêu cầu Tòa án công nhận bằng bản án có hiệu lực để kê khai đăng ký QSD phần đất diện tích 1.027,8m² là không được chấp nhận.

Về chi phí san lấp đất trên diện tích 1.027,8m², theo bà T khai với tổng số tiền 21.565.000 đồng sẽ được xem xét giải quyết, khi các bên có yêu cầu liên quan đến phần này.

Đối với phần tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần hai nhưng tất cả vắng mặt không lý do, không có đơn xin vắng mặt, được coi là từ bỏ phần tố, từ bỏ yêu cầu độc lập, nên HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu phần tố của bị đơn, đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của đồng nguyên đơn không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn có yêu cầu phần tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nên số tiền tạm ứng án phí đã nộp được bổ sung công quỹ nhà nước theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Đối với khoản tiền bà T tạm ứng tổng số (500.000 đồng + 300.000 đồng = 800.000 đồng) cho chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ theo các biên nhận tạm ứng ngày 30/5/2012; 30/3/2015 của Tòa án và tiền hợp đồng đo đạc tổng số (962.897 đồng + 178.358 đồng = 1.141.155 đồng), theo các hóa đơn số 0028839 ngày 13/12/2011; số 0015970 ngày 30/3/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A, do bà T cùng nguyên đơn tự chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 658, 659 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147, các điểm c, d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; đoạn 2 khoản 2 Điều 18; điểm a khoản 7 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Xác định di chúc do cụ ông Hồ Văn B – cụ bà Phạm Thị Q lập ngày 02/7/2002, là không hợp pháp.

Không chấp nhận yêu của đồng nguyên đơn gồm bà: Đỗ Thị T, các anh chị Hồ Thị Thanh N, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thanh G (sinh năm 1980) về yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 1.027,8m² trong 2.221,8m², theo giấy chứng nhận số 02374 mang tên Hồ Văn B.

Đình chỉ giải quyết phần tố của bị đơn Hồ Thị L, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa liên quan: Hồ Thị G, Trần Thị Diệu H (do các anh Hồ Thanh T, Hồ Thanh Đ, Hồ Thanh G kế thừa quyền và nghĩa vụ).

Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Bà Đỗ Thị T cùng các anh chị: Hồ Thị Thanh N, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thanh G (sinh năm 1980) cùng phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được chuyển từ 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 007577 ngày 02/11/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Còn lại 9.800.000 đồng, hoàn trả cho Bà Đỗ Thị T cùng các anh chị: Hồ Thị Thanh N, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thanh G (sinh năm 1980).

Bà Hồ Thị L phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được chuyển từ 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 000522 ngày 26/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Bà Hồ Thị G phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được chuyển từ 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 000521 ngày 26/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Diệu H gồm các anh Hồ Thanh T, Hồ Thanh G, Hồ Thanh Đ phải chịu 500.000 đồng án phí, được chuyển từ 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 000523 ngày 26/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị T cùng các anh chị: Hồ Thị Thanh N, Hồ Thị Thanh H, Hồ Thanh G (sinh năm 1980) tự chịu 800.000 đồng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ theo các biên nhận tạm ứng ngày 30/5/2012; 30/3/2015 của Tòa án và 1.141.155 đồng tiền hợp đồng đo đạc, theo các hóa đơn số 0028839 ngày 13/12/2011; số 0015970 ngày 30/3/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện A.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/8/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS;
- THA để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ